

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 -3
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	5 - 8
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Số 56 Lê Thị Pha , phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (“Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc là là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800563106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ nhất (01) vào ngày 24 tháng 06 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 VND (Hai mươi bảy tỷ đồng). Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (đại diện phần vốn góp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng)	20.503.000.000	75,94%
Các cổ đông khác	6.497.000.000	24,06%
Cộng	27.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Điện thoại : (063) 3864 073

Fax : (063) 3711 608

MST : **5 8 0 0 5 6 3 1 0 6**

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 27).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên:	Chức vụ:	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Quang Tuân	Chủ tịch	08/05/2008
Ông Võ Quốc Trang	Phó Chủ tịch	28/05/2013
Ông Võ Thành Y	Thành viên	28/05/2013
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	08/05/2008
Bà Nguyễn Thị Diễm Loan	Thành viên	08/05/2008

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Số 56 Lê Thị Pha , phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Ho tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban	08/05/2008
Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên	08/05/2008
Ông Nguyễn Văn Đô	Thành viên	08/05/2008

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Y	Giám đốc	08/05/2008
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Giám đốc	06/06/2014
Bà Nguyễn Thị Thu Trúc	Kế toán trưởng	06/06/2014

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Võ Thành Y - Giám đốc của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Võ Thành Y

Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0701-2013-099-1*

Giấy ủy quyền số 011/2014/UQ-FAC ngày 20/10/2014
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0982-2013-099-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.412.550.751	2.597.445.741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	352.462.973	322.247.212
1. Tiền	111		352.462.973	322.247.212
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.718.574.545	559.215.224
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	1.325.111.337	272.777.424
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	300.000.000	130.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 4	138.319.398	192.850.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 5	(44.856.190)	(36.412.200)
IV. Hàng tồn kho	140		2.170.440.958	1.380.980.004
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	2.170.440.958	1.380.980.004
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.072.275	335.003.301
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 7	16.200.002	49.027.002
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV. 8	-	48.895.706
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 9	154.872.273	237.080.593

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Số 56 Lê Thị Pha , phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.531.467.479	32.066.309.703
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.688.830.477	30.168.210.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 10	30.771.593.608	28.552.335.856
<i>Nguyên giá</i>	222		50.387.695.364	45.581.379.616
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.616.101.756)	(17.029.043.760)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 11	651.615.000	674.484.000
<i>Nguyên giá</i>	228		754.671.000	754.671.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(103.056.000)	(80.187.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 12	265.621.869	941.391.047
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		300.000.000	300.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 13	300.000.000	300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.542.637.002	1.598.098.800
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 14	1.542.637.002	1.598.098.800
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.944.018.230	34.663.755.444

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Số 56 Lê Thị Pha , phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		01/01/2014	
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.762.940.011		4.497.259.831	
I. Nợ ngắn hạn	310		7.762.940.011		4.497.259.831	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-		-	
2. Phải trả người bán	312	IV. 15	1.508.320.340		-	
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 16	200.000.000		200.000.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 17	450.356.920		1.022.150.183	
5. Phải trả người lao động	315		2.542.856.141		2.976.793.716	
6. Chi phí phải trả	316		-		-	
7. Phải trả nội bộ	317		-		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 18	2.859.264.277		169.147.390	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 19	202.142.333		129.168.542	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		-		-	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-		-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-		-	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.181.078.219		30.166.495.613	
I. Vốn chủ sở hữu	410		30.181.078.219		30.166.495.613	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 20	27.000.000.000		27.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 20	742.524.921		531.087.005	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 20	450.604.683		344.885.725	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 20	1.987.948.615		2.290.522.883	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.944.018.230		34.663.755.444	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		636.289.563	636.289.563
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hữu Hải
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thư Trúc
Kế toán trưởng

Võ Thành Y
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	22.194.354.317	18.954.430.697
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	646.500	2.478.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	22.193.707.817	18.951.952.597
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	13.358.819.621	10.469.734.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.834.888.196	8.482.217.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	24.847.543	31.118.924
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	46.764.928	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.764.928	-
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	4.349.835.699	4.024.341.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	1.957.667.435	1.553.995.859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.505.467.677	2.934.999.683
11. Thu nhập khác	31		616.205	978.094
12. Chi phí khác	32		11.549.971	8.617.966
13. Lợi nhuận khác	40		(10.933.766)	(7.639.872)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.494.533.911	2.927.359.811
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 7	494.913.389	659.380.652
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.999.620.522	2.267.979.159
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 8	741	840

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 3 năm 2015

 Nguyễn Hữu Hải
 Người lập biểu

 Nguyễn Thị Thu Trúc
 Kế toán trưởng

 Võ Thành Y
 Giám đốc

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.494.533.911	2.927.359.811
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 10,11	2.609.926.996	2.349.467.632
- Các khoản dự phòng	03		8.443.990	8.158.200
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.847.543)	(31.118.924)
- Chi phí lãi vay	06		46.764.928	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.134.822.282	5.253.866.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.036.699.285)	480.310.174
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(789.460.954)	677.070.092
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.570.451.024	79.737.767
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		88.288.798	(123.022.313)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(46.764.928)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 17	(901.648.992)	(506.614.737)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(292.064.125)	(244.773.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.726.923.820	5.616.574.702
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.130.546.570)	(4.785.561.982)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.847.543	31.118.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.105.699.027)	(4.754.443.058)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.380.381.400	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.380.381.400)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.591.009.032)	(1.594.671.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.591.009.032)	(1.594.671.322)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		30.215.761	(732.539.678)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	322.247.212	1.054.786.890
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	352.462.973	322.247.212

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hữu Hải
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trúc
Kế toán trưởng

Võ Thành Y
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc là là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800563106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ nhất (01) vào ngày 24 tháng 06 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 VND (Hai mươi bảy tỷ đồng). Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (đại diện phần vốn góp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng)	20.503.000.000	75,94%
Các cổ đông khác	6.497.000.000	24,06%
Cộng	27.000.000.000	100,00%

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 56 Lê Thị Pha , phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Công ty mẹ (đại diện phần vốn góp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng)

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2005 , đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 07 Bùi Thị Xuân, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên:	Chức vụ:
Ông Võ Quang Tuân	Chủ tịch
Ông Võ Quốc Trang	Phó Chủ tịch
Ông Võ Thành Y	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diễm Loan	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên:	Chức vụ:
Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đô	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ tên:

Ông Võ Thành Y

Ông Nguyễn Trọng Hiếu

Bà Nguyễn Thị Thu Trúc

Chức vụ:

Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Võ Thành Y - Giám đốc của Công ty.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Máy móc, thiết bị	02-10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08 năm

Tài sản cố định vô hình:

- Quyền sử dụng đất	33 Năm
---------------------	--------

6. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đồng hồ thuê bao
- Chi phí ống cấp 3, ống trục chung

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc nắm giữ cổ phiếu của Công ty khác hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn vào Công ty khác.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt tại quỹ	44.525.731	44.826.561
Tiền gửi ngân hàng	307.937.242	277.420.651
Cộng	352.462.973	322.247.212

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty TNHH Quốc Minh (*)	14.554.000	14.554.000
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Đạ Tẻh (*)	13.700.000	13.700.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	34.619.600	34.619.600
Trung tâm Phát triển Quý đất Bảo Lộc	1.189.314.461	98.685.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina	-	4.412.700
Khách hàng sử dụng nước (*)	43.773.300	46.621.200
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc	29.149.976	29.149.976
Công ty TNHH Nhôm Lâm Đồng	-	31.034.948
Cộng	1.325.111.337	272.777.424

(*) Các khoản phải thu quá hạn đã được trích lập dự phòng (xem thuyết minh IV.5)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty CP Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Nam Lâm Đồng	-	50.000.000
Công ty TNHH Khánh Phát	-	80.000.000
Công ty TNHH Công nghệ và Môi trường Á Châu	300.000.000	-
Cộng	300.000.000	130.000.000

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tạm ứng thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	138.000.000	153.600.000
Các khoản phải thu khác	319.398	39.250.000
Cộng	<u>138.319.398</u>	<u>192.850.000</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Công ty TNHH Quốc Minh	14.554.000	14.554.000
Ban QLDA ĐT & XD Đạ Tèh	13.700.000	13.700.000
Khách hàng ngưng sử dụng nước	16.602.190	8.158.200
Cộng	<u>44.856.190</u>	<u>36.412.200</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	998.281.003	1.225.953.079
Công cụ, dụng cụ trong kho	48.808.413	63.626.174
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.123.351.542	91.400.751
Cộng	<u>2.170.440.958</u>	<u>1.380.980.004</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>01/01/2014</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phân bổ chi phí</u>	<u>31/12/2014</u>
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	49.027.002	27.500.000	60.327.000	16.200.002
Cộng	<u>49.027.002</u>	<u>27.500.000</u>	<u>60.327.000</u>	<u>16.200.002</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	48.895.706
Cộng	<u>-</u>	<u>48.895.706</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	154.872.273	237.080.593
Cộng	<u>154.872.273</u>	<u>237.080.593</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2014	10.149.365.967	9.367.315.584	25.605.620.512	459.077.553	45.581.379.616
Đầu tư hoàn thành	687.108.864	807.960.875	1.871.087.480	-	3.366.157.219
Nhà nước bàn giao sử dụng	-	-	1.440.158.529	-	1.440.158.529
Phân loại lại	(204.237.600)	204.237.600	-	-	-
Tại 31/12/2014	10.632.237.231	10.379.514.059	28.916.866.521	459.077.553	50.387.695.364
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	955.267.862	95.258.000	668.394.000	128.960.905	1.847.880.767
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2014	4.156.183.882	4.490.011.621	8.022.174.351	360.673.906	17.029.043.760
Trích khấu hao	539.321.683	972.390.333	1.031.222.980	44.123.000	2.587.057.996
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2014	4.695.505.565	5.462.401.954	9.053.397.331	404.796.906	19.616.101.756
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2014	5.993.182.085	4.877.303.963	17.583.446.161	98.403.647	28.552.335.856
Tại 31/12/2014	5.936.731.666	4.917.112.105	19.863.469.190	54.280.647	30.771.593.608

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định của Công ty là tài quyền sử dụng đất có thời hạn.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2014	754.671.000	80.187.000	674.484.000
Tăng trong năm	-	22.869.000	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2014	754.671.000	103.056.000	651.615.000

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
Sửa chữa giếng 19	-	72.071.790
Tuyến ống D100 Lộc Phát	-	597.822.221
Hệ thống cấp nước 28/3 Lộc Tiến	18.890.502	18.890.502
Khu 7 Lộc Phát	134.980.121	184.516.400
Tuyến ống khu 3 Lộc Tiến	64.238.134	64.238.134
Các công trình khác	47.513.112	3.852.000
Cộng	265.621.869	941.391.047

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Đầu tư 10.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Cấp thoát nước Di Linh	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>01/01/2014</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phân bổ chi phí</u>	<u>31/12/2014</u>
Chi phí đồng hồ	839.593.233	315.763.336	365.520.244	789.836.325
Chi phí ống cấp 3	606.651.489	309.849.355	302.221.220	614.279.624
Chi phí ống trục chung	96.700.546	52.179.256	28.577.138	120.302.664
Chi phí công cụ dụng cụ	55.153.532	-	36.935.143	18.218.389
Cộng	1.598.098.800	677.791.947	733.253.745	1.542.637.002

15. Phải trả cho người bán

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	236.500.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thanh Dung	716.274.240	-
Công ty TNHH Thế Hải	391.766.100	-
Đoàn Tài nguyên nước Nam Tây Nguyên	163.780.000	-
Cộng	1.508.320.340	-

16. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	171.901.596	51.425.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.913.389	541.648.992
Thuế thu nhập cá nhân	1.306.028	-
Thuế tài nguyên	43.848.747	23.080.309
Các loại thuế khác	-	19.488.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	98.387.160	386.507.185
Cộng	450.356.920	1.022.150.183

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	<u>01/01/2014</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2014</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.425.697	497.330.991	376.855.092	171.901.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	541.648.992	494.913.389	901.648.992	134.913.389
Thuế thu nhập cá nhân	(48.895.706)	71.892.741	21.691.007	1.306.028
Thuế tài nguyên	23.080.309	524.969.427	504.200.989	43.848.747
Các loại thuế khác	19.488.000	10.723.277	30.211.277	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	386.507.185	1.068.120.540	1.356.240.565	98.387.160
Cộng (*)	973.254.477	2.667.950.365	3.190.847.922	450.356.920

(*) Trong đó:

Số nộp thừa (xem thuyết minh IV.8)	48.895.706	-
Số còn phải nộp	1.022.150.183	450.356.920

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Nước sạch	5%
- Hàng hóa, dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.12 và thuyết minh V.7

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Kinh phí Công Đoàn	61.827.487	64.749.717
Cổ tức phải trả	92.414.261	63.423.293
Thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ nhân viên công ty	-	40.974.380
Nhận tài sản từ UBND tỉnh Lâm Đồng chờ thủ tục tăng vốn	1.440.158.529	-
Chi phí nhân công phải trả công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 20	1.264.864.000	-
Cộng	2.859.264.277	169.147.390

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2014	Năm 2013
Số dư tại ngày 01/01	129.168.542	18.726.807
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ	211.437.916	207.914.735
Chi quỹ trong năm	(138.464.125)	(97.473.000)
Số dư tại ngày 31/12	202.142.333	129.168.542

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2013	27.000.000.000	323.172.270	240.928.357	2.309.630.562	29.873.731.189
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	2.267.979.159	2.267.979.159
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	207.914.735	103.957.368	(519.786.838)	(207.914.735)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(147.300.000)	(147.300.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
Tại 31/12/2013	27.000.000.000	531.087.005	344.885.725	2.290.522.883	30.166.495.613
Tại 01/01/2014	27.000.000.000	531.087.005	344.885.725	2.290.522.883	30.166.495.613
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	-	1.999.620.522	1.999.620.522
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(153.600.000)	(153.600.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	211.437.916	105.718.958	(528.594.790)	(211.437.916)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
Tại 31/12/2014	27.000.000.000	742.524.921	450.604.683	1.987.948.615	30.181.078.219

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông

	31/12/2014	01/01/2014
Vốn Nhà nước (Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp thoát nước Lâm Đồng)	20.503.000.000	20.503.000.000
Các cổ đông khác	6.497.000.000	6.497.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Thực hiện Nghị quyết ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Hội đồng quản trị, Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2013 với tỉ lệ thực hiện là 6%/vốn chủ sở hữu với số tiền 1.620.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	22.194.354.317	18.954.430.697
Các khoản giảm trừ:	646.500	2.478.100
- Hàng bán bị trả lại	<i>646.500</i>	<i>2.478.100</i>
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	<u>22.193.707.817</u>	<u>18.951.952.597</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.358.819.621	10.469.734.675
Cộng	<u>13.358.819.621</u>	<u>10.469.734.675</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.882.482	10.052.328
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.965.061	21.066.596
Cộng	<u>24.847.543</u>	<u>31.118.924</u>

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	46.764.928	-
Cộng	<u>46.764.928</u>	<u>-</u>

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí cho nhân viên	1.778.430.768	1.638.233.580
Chi phí vật liệu, công cụ , dụng cụ	878.776.754	810.082.308
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.150.387.981	1.007.909.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.859.760	37.742.009
Chi phí khác bằng tiền	496.380.436	530.374.315
Cộng	<u>4.349.835.699</u>	<u>4.024.341.304</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí cho nhân viên	790.556.602	467.712.000
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	16.114.372	356.789.521
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.822.000	26.200.000
Chi phí dự phòng	8.443.990	8.158.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709.219.037	252.756.575
Chi phí khác bằng tiền	416.511.434	442.379.563
Cộng	<u>1.957.667.435</u>	<u>1.553.995.859</u>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Từ ngày 01/7/2013, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% theo Công văn số 8336/BTC-CST ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính "V/v Triển khai thực hiện một số quy định có hiệu lực từ 01/7/2013 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT" đối với doanh nghiệp, kể cả hợp tác xã có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.494.533.911	2.927.359.811
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(19.965.061)	(21.066.596)
Thu nhập từ cổ tức	(19.965.061)	(21.066.596)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.474.568.850	2.906.293.215
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	-	726.573.304
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 25%	-	(67.192.652)
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (20%)	494.913.389	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	494.913.389	659.380.652

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.999.620.522	2.267.979.159
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.999.620.522	2.267.979.159
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	741	840

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.700.000	2.700.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000

9. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.158.121.738	4.311.504.826
Chi phí nhân công	8.069.631.233	6.155.244.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.609.926.996	2.349.467.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.421.567	609.983.367
Chi phí khác bằng tiền	2.786.993.343	2.415.166.070
Cộng	19.467.094.877	15.841.366.177

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	Công ty mẹ đại diện phần góp vốn của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng		
Cổ tức đã trả	1.230.180.000	1.230.180.000
Hội đồng quản trị và ban kiểm soát		
Tiền thù lao, tiền thưởng	240.000.000	288.000.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương	599.624.727	443.352.000

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng ngắn và dài hạn.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	169.147.390	-	-	169.147.390
Cộng	169.147.390	-	-	169.147.390
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán	1.508.320.340	-	-	1.508.320.340
Các khoản phải trả khác	2.859.264.277	-	-	2.859.264.277
Cộng	4.367.584.617	-	-	4.367.584.617

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	01/01/2014
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	352.462.973	-	322.247.212	-	352.462.973	322.247.212
Phải thu khách hàng	1.325.111.337	(44.856.190)	272.777.424	(36.412.200)	1.280.255.147	236.365.224
Phải thu khác	138.319.398	-	192.850.000	-	138.319.398	192.850.000
Tài sản tài chính dài hạn	300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
Cộng	2.115.893.708	(44.856.190)	1.087.874.636	(36.412.200)	2.071.037.518	1.051.462.436

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Phải trả người bán	1.508.320.340	-	1.508.320.340
Các khoản phải trả khác	2.859.264.277	169.147.390	2.859.264.277	169.147.390
Cộng	4.367.584.617	169.147.390	4.367.584.617	169.147.390

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hữu Hải
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thư Trúc
Kế toán trưởng

Võ Thành Y
Giám đốc